

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày: 26-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN HUYỆN Y, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Mạnh Tùng

- Ông Bùi T Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Hồng Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với:

1/ Các bị cáo:

1.1. Bùi Văn H: Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 01/10/2001 Nơi sinh: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn T và bà Quách Thị H (đã chết). Vợ, con: chưa có. Tiền án: 01 tiền án Tại bản án số 36/2018/HSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y đã xử phạt Bùi Văn H 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không. *Bị cáo Bùi Văn H hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số số 08/LC-ĐKNCT ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y. (có mặt)*

1.2. Bùi Văn T: Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 14/9/1998; Nơi sinh: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: xóm xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn B và bà Bùi Thị T; Vợ, con: chưa có. Tiền án: 01 tiền án Tại bản án số 03/2017/HSST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y đã xử phạt Bùi Văn T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài

sản”; tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2018. (có mặt)

2. Người giám hộ cho bị cáo Bùi Văn H:

Ông Bùi Thanh C, sinh năm: 1948 - Có mặt.

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

3. Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H:

3.1. Bà Bùi Thị T – Có mặt.

Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hòa Bình.

4. Người bị hại:

Chị Bùi Thị A, sinh năm 1979 – Có mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

5. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

5.1. Anh Đinh Văn P, sinh năm: 1992 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

5.2. Anh Bùi Văn S, sinh năm: 1985 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 ngày 25/12/2018 Bùi Văn H một mình đi bộ đến nhà chị Bùi Thị A tại xóm Đ, xã Đ mục đích mượn xe mô tô. Khi đến nhà chị A quan sát thấy cửa không khóa và không có ai ở nhà nên H nảy sinh ý định vào nhà lục tìm tài sản có giá trị để trộm cắp bán lấy tiền chi tiêu vì vậy H mở cửa quán treo qua quầy hàng thì nhìn thấy chiếc kệ tủ ti vi ngăn tủ không khóa nên H mở ra thấy bên trong có một áo khoác màu vàng liền dùng tay móc vào túi áo lấy ra được một hộp nhựa màu cam, mở chiếc hộp ra thấy bên trong có 01 dây chuyền kim loại màu vàng, H đóng nắp hộp lại cho vào túi quần rồi theo đường cũ đi ra ngoài. Tiếp đó H đi bộ đến nhà văn hóa xóm Đ tìm gặp chị A để mượn xe nhưng chị A không cho mượn nên H đi về nhà. Đến 9h30 phút H cầm dây chuyền đến nhà Bùi Văn T cùng xóm và nói “em vừa trộm được chiếc dây chuyền ở nhà cô A, anh xem có phải vàng thật không đi bán hộ em” T mở hộp ra xem rồi nói “Đây là vàng thật đấy” và T đồng ý đưa H đi bán dây chuyền. Đến 10h30 phút T gặp Bùi Văn S hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 28S2-9105 đi ra ngoài có tý việc, anh Sang đồng ý giao xe cho H, sau đó T chở H lên thị trấn Hàng Trạm, khi đến chợ Hàng Trạm thì T bảo H xuống xe ngồi chờ còn T mang dây chuyền đến bán cho Trần Văn B ở khu phố 12 với giá tiền 2.500.000đ rồi quay lại đưa cho H 500.000đ còn 2.000.000đ T hỏi vay H có việc. Đến ngày 26/12/2018 Bùi

Văn H và Bùi Văn T ra đầu thú.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 02/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: 01 dây chuyền vàng, loại 9999 T lượng 02 chỉ có giá trị 7.240.000đ, 01 hộp nhựa màu cam có giá trị 1.000đ tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.241.000đ (bảy triệu, hai trăm bốn mươi một, nghìn đồng)

Bản cáo trạng số 13/CT-VKS-YT ngày 04/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy đã truy tố Bùi Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, điều 173 Bộ luật hình sự; Bùi Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1, điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bùi Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1, điều 52, điều 91, điểm b khoản 1 điều 55, khoản 2 điều 56, điều 101, điều 104 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn H từ 06 đến 09 tháng tù; tổng hợp hình phạt với bản án số 36/2018/HSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1, điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn T từ 18 đến 24 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo T và bị hại (Chị A) về trách nhiệm bồi thường dân sự.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, điều 173, điểm b,s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm b khoản 1 điều 55; điều 101, điều 104 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn H từ 03 đến 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và thừa nhận bị truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến

của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng Hình sự:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hòa Bình, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo là rõ ràng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 7 giờ 30 phút sáng 25/12/2018 Bùi Văn H một mình đi bộ đến nhà chị Bùi Thị A mục đích mượn xe mô tô, khi đến nơi không có ai ở nhà nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản vì vậy đã đi vào nhà lục tìm tài sản và lấy được 01 dây chuyền vàng loại 9999. Sau khi lấy được dây chuyền H đi về tìm gặp Bùi Văn T nhờ xem hộ là vàng thật hay giả và bán hộ. Sau khi xem biết là tài sản do H chiếm đoạt của chị A là vàng thật T đã mượn xe mô tô của anh Bùi Văn S rồi cùng H đi lên khu phố 12 thị trấn Hàng Trạm bán cho Trần Văn B được số tiền 2.500.000đ. Có được số tiền nói trên T đưa cho H 500.000đ số tiền 2.000.000đ còn lại T hỏi vay của H để sử dụng cá nhân. Kết quả định giá xác định tài sản do H chiếm đoạt của chị A có tổng giá trị là 7.241.000đ (bảy triệu hai trăm bốn một nghìn đồng). Như vậy hành vi của Bùi Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, điều 173 Bộ luật hình sự. Bùi Văn T đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1, điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Bùi Văn H đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo quyết định bản án số 36/2018/HSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1, điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Bùi Văn T phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1, điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, là người dân tộc sống ở vùng sâu, vùng xa của huyện. Bị cáo Bùi Văn H đã tác động để ông Bùi Thanh C bồi thường khắc phục hậu quả xảy ra với số tiền 2.000.000đ, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Bùi Văn H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s, khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Bùi Văn T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với Bùi Văn H khi phạm tội 17 tuổi 1 tháng 25 ngày vì vậy cần áp dụng các điều 91, điều 101, điều 104 Bộ luật Hình sự để xử lý theo quy định.

[4] Về hình phạt chính: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên. Căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy cần buộc các bị cáo sống cách ly xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo thành người có ích cho xã hội. Riêng bị cáo Bùi Văn H phạm tội khi đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, nay cần tổng hợp phần hình phạt mà bị cáo chưa chấp hành tại bản án số 36/2018/HSST ngày 27/11/2018 tính đến ngày xét xử bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 05 tháng 07 ngày (*quy đổi 3 ngày cải tạo không giam giữ bằng một ngày tù buộc bị cáo phải chịu 01 tháng 22 ngày*) tù.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Bùi Văn H là người chưa thành niên phạm tội, bản thân không có tài sản riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung. Bị cáo Bùi Văn T không có thu nhập và nghề nghiệp ổn định vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Văn H cùng ông Bùi Thanh C đã tự nguyện bồi thường cho chị Bùi Thị A số tiền là 2.000.000đ nay chị Anh không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì thêm.

Đối với yêu cầu của chị Bùi Thị A trong quá trình điều tra đề nghị buộc bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tại phiên tòa hôm nay người bị hại chị Bùi Thị An và vị cáo Bùi Văn H thống nhất thỏa thuận Bùi văn H có trách nhiệm bồi thường cho chị Anh số tiền là 3.620.500đ (*ba triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, năm trăm đồng*). Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa chấp thuận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại vật chứng là 01 xe mô tô biển kiểm soát 28S2-9105 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đinh Văn P, xét thấy anh P không có lỗi trong việc các bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được vì vậy HĐXX chấp nhận và không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Bùi Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo, người bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với ông Bùi Thanh C đã cùng bị cáo H bồi thường số tiền 2.000.000đ cho chị Bùi Thị A nay ông C không yêu cầu bị cáo hoàn trả nên không đề cập giải quyết.

Đối với Trần Văn B hiện đã đi khỏi địa phương, cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh nếu có kết quả sẽ có biện pháp xử lý sau.

[10] Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1, điều 52, điều 91, điểm b khoản 1 điều 55, khoản 2 điều 56, điều 101, điều 104 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn H 06 tháng tù; tổng hợp hình phạt với bản án số 36/2018/HSST ngày 27/11/2018 tính đến ngày xét xử bị cáo còn phải chịu 01 tháng 22 ngày tù.

- Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 07 tháng 22 ngày (Bảy tháng, hai mươi hai ngày). thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1, điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 26/12/2018.

2. Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại, cụ thể bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường thiệt hại cho chị Bùi Thị A số tiền 3.620.500đ (*ba triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc bị cáo Bùi Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày này được tính từ khi nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai .

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Y;
- CA huyện Y;
- THAHS - DS huyện Y;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- UBND xã Đ
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Hải Dương

